TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2022
V/v tranh chấp về xác định cha cho con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đào M Anh - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12a/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 15/B91, khu A2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1974 và chị Vũ Thị M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là anh Nguyễn Thành T trình bày:

Anh T và cô Phạm Thị T2 có quan hệ tình cảm và yêu thương nhau từ năm 2013 song gia đình chị T2 không đồng ý và ngăn cản không cho anh và cô T2 kết hôn với nhau. Đến năm 2013, anh và chị T2 về sống chung với nhau như vợ chồng tại số 15/ B91, khu A2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng (không làm thủ tục đăng ký kết hôn). Quá trình chung sống, chị T2 mang thai. Đến tháng 10 năm 2015, chị T2 sinh con tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng.

Sau khi sinh con, chị T2 và anh T vẫn tiếp tục chung sống và nuôi dưỡng con chung được khoảng 20 tháng, chị T2 bỏ đi đâu anh không rõ, anh T vẫn chăm sóc và nuôi dưỡng con chung từ đó đến nay.

Sau đó, chị T2 có về gia đình chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn T1 (là chị dâu và anh trai của chị T2) làm thủ tục cấp Giấy khai sinh cho cháu D (tên bố mẹ trong Giấy khai sinh của cháu D là Phạm Văn T1 và Vũ Thị M, cháu D mang họ anh T1 và được đặt tên là "Phạm Trung D"). Việc chị T2 nhờ anh T1 và chị M làm thủ tục cấp Giấy khai sinh cho cháu D anh T không biết.

Nay anh T yêu cầu Tòa án xác định cháu Phạm Trung D, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng là con của anh Nguyễn Thành T để cháu được làm giấy khai sinh theo quy định của pháp luật. Anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn là chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn T1 trình bày:

Chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn T1 xác định lời trình bày của anh Nguyễn Thành T là đầy đủ, chính xác.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, do không hiểu biết về pháp luật, chị M đã ra Ủy ban nhân dân xã Đ làm thủ tục khai tử đối với cháu Phạm Trung D, nhưng thực tế cháu D vẫn còn sống, hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 26 tháng 4 năm 2022, Uỷ ban nhân dân huyện A đã ra Quyết định thu hồi trích lục số 24/2019 đăng ký ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ đã cấp cho công dân Phạm Trung D.

Vì vậy chị M và anh T1 đồng ý xác nhận cháu Phạm Trung D, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng là con của anh Nguyễn Thành T để cháu được làm giấy khai sinh theo quy định của pháp luật. Anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật.

Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập chị Phạm Thị T2 đến Toà án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xác nhận cha cho con của anh

Nguyễn Thành T, song chị T2 đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm về yêu cầu của anh T.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm Điều 70 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 89, 101, 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T. Xác nhận anh Nguyễn Thành T là cha đẻ của cháu Phạm Trung D, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng. Anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao và gửi, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy báo và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị T2 theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự song chị T2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần T1 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xác định: anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1982 (địa chỉ: Số 15/B91, khu A2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng) là bố đẻ của cháu Phạm Trung D, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng. Xét thấy chị Vũ Thị M, anh Phạm Văn T1 và anh Nguyễn Thành T đều xác nhận anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị T2 có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2013 nhưng gia đình chị T2 không đồng ý cho anh T và chị T2 kết hôn nên chị T2 và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng tại số 15/B91, khu A2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng (không làm thủ tục đăng

ký kết hôn). Quá trình chung sống, chị T2 mang thai. Đến tháng 10 năm 2015, chị T2 sinh con tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng. Sau khi sinh con, chị T2 và anh T vẫn tiếp tục chung sống và nuôi dưỡng con chung được khoảng 20 tháng, chị T2 bỏ đi đâu anh không rõ, anh T vẫn chăm sóc và nuôi dưỡng con chung từ đó đến nay. Sau đó, chị T2 có về gia đình chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn T1 nhờ làm thủ tục cấp Giấy khai sinh cho cháu D (tên bố mẹ trong Giấy khai sinh của cháu D là Phạm Văn T1 và Vũ Thị M, cháu D mang họ anh T1 và được đặt tên là "Phạm Trung D") và nhập hộ khẩu vào hộ khẩu gia đình anh T1, chị M. Sau đó chị T2 bỏ đi đâu, làm gì không ai biết.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, chị M đã ra Ủy ban nhân dân xã Đ làm thủ tục Khai tử đối với cháu Phạm Trung D, nhưng thực tế cháu D vẫn còn sống. Hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 26 tháng 4 năm 2022, ủy ban nhân dân huyện A đã ra Quyết định thu hồi trích lục số 24/2019 đăng ký ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ đã cấp cho công dân Phạm Trung D.

Tại Kết quả phân tích ADN huyết thống ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn LOCI AND xác định anh Nguyễn Thành T và cháu Phạm Trung D có quan hệ huyết thống.

Đối với yêu cầu xác định quan hệ cha con của anh Nguyễn Thành T, chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn T1 đều xác định cháu Phạm Trung D - sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng là con của anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị T2.

Từ những phân tích về cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học nêu trên có căn cứ xác định anh Nguyễn Thành T là cha đẻ của cháu Phạm Trung D - sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thành T được miễn nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc yêu cầu xác định quan hệ cha con. Trả lại cho anh T số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 88, 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 và danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T đối với anh Phạm Văn T1 và chị Vũ Thị M

Xác định anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 15/B91, khu A2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của cháu Phạm Trung D, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 tại Bệnh viện phụ sản T4, thành phố Hải Phòng.

Anh Nguyễn Thành T có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu Phạm Trung D. Giao cháu Phạm Trung D cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi nào chị Phạm Thị T2 có yêu cầu về việc nuôi con, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án Dân sự khác.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Thành T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004007 ngày 08 tháng 11 năm 2021).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi